

BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

(Kèm theo Quyết định số 55/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Đơn giá
I	THÀNH PHỐ KON TUM	
1	Tại TP Kon Tum	
	Hạng 2	31.500
	Hạng 3	27.000
	Hạng 4	22.500
	Hạng 5	20.000
2	Tại cá xã	
	Hạng 2	22.000
	Hạng 3	18.000
	Hạng 4	15.000
	Hạng 5	12.000
II	HUYỆN ĐẮK HÀ	
1	Giá đất tại thị trấn	
	Hạng 2	16.000
	Hạng 3	15.000
	Hạng 4	14.000
	Hạng 5	13.000
	Hạng 6	12.000
2	Giá đất tại các xã	
	Hạng 2	14.000
	Hạng 3	13.000
	Hạng 4	12.000
	Hạng 5	11.000
	Hạng 6	10.000
III	HUYỆN ĐẮK TÔ	
	Đất nuôi trồng thủy sản bằng giá đất ruộng lúa 2 vụ tại khu vực đó	
IV	HUYỆN NGỌC HỒI	
1	Giá đất tại thị trấn	
	Hạng 1	13.000
	Hạng 2	12.000
	Hạng 3	11.000

2	Giá đất tại các xã	
	Hạng 1	12.000
	Hạng 2	11.000
	Hạng 3	10.000
V	HUYỆN KON RẪY	
1	Giá đất tại thị trấn Đăk Rve, xã Tân Lập, Đăk Ruồng, Đăk Tờ Re	
	Hạng 2	14.000
	Hạng 3	13.000
	Hạng 4	12.000
	Hạng 5	11.000
	Hạng 6	10.000
2	Giá đất tại các xã còn lại	
	Hạng 2	12.000
	Hạng 3	11.000
	Hạng 4	10.000
	Hạng 5	9.000
	Hạng 6	6.000
VI	HUYỆN SA THẦY	
	Hạng 2	8.000
	Hạng 3	7.000
	Hạng 4	6.000
	Hạng 5	5.000
VII	HUYỆN ĐĂK GLEI	
1	Giá đất tại thị trấn Đăk Glei	
	Hạng 2	7.000
	Hạng 3	6.000
2	Giá đất tại các xã	
	Hạng 3	5.000
	Hạng 4	4.000
VIII	HUYỆN KON PLÔNG	
1	Giá đất tại xã Hiếu, Măng Cành, Đăk Long, Pờ Ê	
	Hạng 2	12.000
	Hạng 3	10.000
	Hạng 4	8.000
	Hạng 5	6.000
	Hạng 6	5.000
	Diện tích đất mặt nước quy hoạch nuôi trồng thủy sản cá Hồi cá Tầm	60.000
2	Giá đất tại xã Ngọc Tem, Đăk Ring, Đăk Nên, Măng Bút, Đăk Tăng	
	Hạng 2	10.000
	Hạng 3	8.000

	Hạng 4	6.000
	Hạng 5	5.000
	Hạng 6	4.000
	Diện tích đất mặt nước quy hoạch nuôi trồng thủy sản cá Hồi cá Tầm	50.000
IX	HUYỆN TU MƠ RÔNG	
1	Giá đất tại xã Đăk Hà, Đăk Tô Kan, Đăk Rơ Ông, Đăk Sao, Đăk Na	
	Hạng 3	4.000
	Hạng 4	3.000
2	Giá đất tại các xã Tu Mơ Rông, Tê Xăng, Măng Ri, Văn Xuôi, Ngọc Yêu, Ngọc Lây.	
	Hạng 3	3.000
	Hạng 4	2.500